

## NGHIÊN CỨU MỘT SỐ HÌNH THÁI ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC HIỆN NAY

Phạm Hữu Mỹ Dục<sup>1</sup>

**Tóm tắt.** Xu hướng chung của dạy học trên thế giới hiện nay là chuyển từ mục tiêu cung cấp tri thức sang hình thành các năng lực ở người học, hoạt động dạy định hướng vào tích cực hóa người học. Trong giáo dục, giáo viên là người trực tiếp tác động tạo ra những thay đổi ở người học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục. Muốn xác định người học – sản phẩm của quá trình giáo dục đáp ứng như thế nào so với mục tiêu giáo dục đã đề ra, người giáo viên phải tiến hành đánh giá. Kết quả đánh giá trên cơ sở tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin do sử dụng đa dạng các loại hình đánh giá là vô cùng quan trọng để đi đến những nhận định, những quyết định đánh giá khách quan, điều chỉnh kịp thời nội dung, phương pháp giáo dục. Trong nghiên cứu này, tác giả đề cập đến ba hình thái đánh giá trong giáo dục: thái đánh giá truyền thống chủ yếu dựa trên sự đo lường tâm lý; Hình thái đánh giá gắn với bối cảnh giáo dục; Hình thái đánh giá cá nhân hoá. Mỗi hình thái đánh giá có những ưu, nhược điểm riêng.

**Từ khóa:** Hình thái đánh giá, đánh giá năng lực, đánh giá giáo dục.

### 1. Đặt vấn đề

Các nhà nghiên cứu lí luận dạy học đều cho rằng, dạy học là một quá trình hoạt động có tính mục đích, nó thường phải bao gồm đầy đủ các thành tố cơ bản sau: xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động dạy – học và kiểm tra đánh giá. Do vậy kiểm tra đánh giá là một khâu rất quan trọng, không thể tách rời của quá trình dạy học. Kiểm tra đánh giá nhằm cung cấp thông tin để đánh giá chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy và học.

Đánh giá là bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học bởi đối với người giáo viên, khi tiến hành quá trình dạy học, họ phải xác định rõ mục tiêu của bài học, nội dung và phương pháp cũng như kĩ thuật tổ chức quá trình dạy học sao cho phù hợp với đối tượng người học và đạt chất lượng hiệu quả theo mục tiêu đã đề ra. Muốn biết quá trình dạy – học có chất lượng, hiệu quả hay không, người giáo viên phải thu thập thông tin phản hồi từ học sinh để đánh giá và qua đó điều chỉnh phương pháp dạy, kĩ thuật dạy của mình cũng như giúp học sinh điều chỉnh các phương pháp học. Như vậy, kiểm tra, đánh giá là bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học và có thể nói kiểm tra đánh giá là động lực để thúc đẩy sự đổi mới quá trình dạy và học.

Ngày nhận bài: 12/01/2020. Ngày nhận đăng: 14/03/2020.

<sup>1</sup> Phòng Quản lý chất lượng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;  
e-mail: phmduc@uneti.edu.vn

## 2. Một số hình thái đánh giá trong giáo dục

### 2.1. Hình thái đánh giá truyền thống chủ yếu dựa trên sự đo lường tâm lí

Đây là hình thái đánh giá phát triển sớm nhất – hình thái đánh giá cổ điển. Trong hình thái này, các bài kiểm tra viết trên giấy (papers & pencils), chuẩn hoá được sử dụng trên phạm vi rộng để tăng tính giải trình của việc đánh giá. Câu hỏi kiểm tra đánh giá được thiết kế ở dạng trắc nghiệm khách quan và sử dụng máy tính để chấm điểm nhằm đánh giá chính xác hơn. Việc đưa ra các nhận định trong hình thái này chủ yếu là dựa trên chuẩn hoặc các tiêu chí dựa trên chuẩn. Bài kiểm tra viết chuẩn hoá có nhiều ưu điểm như các câu hỏi thể hiện tính khách quan, đảm bảo độ tin cậy, độ khó phù hợp, có độ giá trị đảm bảo, dễ chấm, tránh được tình trạng chênh lệch giữa những người chấm, tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc và các câu hỏi kiểm tra đánh giá bao quát được một phạm vi rộng gồm nhiều nội dung cần đánh giá... Hình thái đánh giá dựa trên đo lường tâm lí cũng là hình thái lâu đời nhất trong kiểm tra đánh giá và hiện tại vẫn có vai trò lớn trong nền giáo dục của thế giới hiện nay. Tuy nhiên hình thái đánh giá truyền thống này bị phê phán là: tạo nên áp lực thi cử; dễ mang định kiến về văn hoá, giới tính; kiến thức được đánh giá trong các bài kiểm tra viết chuẩn hoá dễ sa vào chi tiết, tập trung vào các kỹ năng tư duy bậc thấp; tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh về điểm số chứ không phải về sự hiểu biết; tập trung vào việc phân loại học sinh thay vì đảm bảo học sinh đạt được năng lực (dẫn theo [1-5]).

### 2.2. Hình thái đánh giá gắn với bối cảnh giáo dục

Dẫn theo [1-5] cho rằng, đây là hình thái đánh giá xuất hiện muộn hơn, được cho là để khắc phục những điểm bất cập của hình thái đo lường tâm lí qua những bài kiểm tra viết trên giấy được chuẩn hoá. Hình thái này chủ trương kiểm tra đánh giá phải phù hợp với khung chương trình, hữu ích, xác thực, chủ yếu thực hiện trên lớp học, mang tính phản hồi, cung cấp thông tin và có ích cho việc điều chỉnh hoạt động giảng dạy. Hình thái này khuyến khích học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, chú ý đến điểm khác biệt giữa từng học sinh. Việc đánh giá thường xuyên được chú trọng và đánh giá phải dựa trên tiêu chí để cung cấp thông tin. Kết quả đánh giá phải có ý nghĩa và được tiếp tục sử dụng để phát triển năng lực thay vì chỉ để xếp loại. Bài kiểm tra trên lớp do giáo viên biên soạn và thực hiện phải phù hợp với kế hoạch giảng dạy (có thể bài kiểm tra yêu cầu thảo luận theo nhóm nhỏ hoặc bài tập chuyên đề giao cho học sinh làm theo nhóm...). Kết quả đánh giá phải đảm bảo độ tin cậy và các thông tin này cần được thông báo cho các đối tượng tham gia giáo dục.

Trong quá trình thực hiện, hình thái đánh giá thứ hai bộc lộ một số nhược điểm như tốn nhiều thời gian cho việc chấm bài, phạm vi nội dung kiểm tra hẹp, việc đánh giá dựa chủ yếu vào giáo viên. Vai trò của học sinh đã được đề cao nhưng chưa có chỉ dẫn thực hiện rõ ràng, đặc biệt là về mục đích thực hiện đánh giá theo quá trình dựa trên tập hợp bài tập và thực hành đã được chú trọng, nhưng phần lớn là tự phát hoặc ở dạng kiểm tra đánh giá trên diện rộng, chưa thực sự ảnh hưởng nhiều tới học sinh trên lớp. Nhiều giáo viên trên lớp phàn nàn về gánh nặng công việc mà họ phải thực hiện.

### 2.3. Hình thái đánh giá cá nhân hoá

Việc đánh giá cá nhân hoá xuất phát từ quan điểm và nhu cầu khác nhau, do vậy hình thái đánh giá cá nhân hoá cần được xem xét và vận dụng vào tùy từng hoàn cảnh.

Theo [1-5] cho rằng, học sinh cần phải được tham gia vào quá trình đánh giá và phải trở thành trung tâm của quá trình này. Hình thái này cho rằng mỗi học sinh có tính duy nhất với trình độ,

hiểu biết, phong cách học khác nhau, thông minh theo những kiểu khác nhau, do vậy hình thái này bổ sung khắc phục những hạn chế của hai hình thái đánh giá trước. Một loạt các thuật ngữ mới về phương pháp đánh giá theo hình thái cá nhân hoá xuất hiện dưới các tên gọi khác nhau như: phương pháp đánh giá sáng tạo/hay đánh giá phi truyền thống (alternative assessment); các đường hướng sáng tạo hay phi truyền thống trong đánh giá (alternatives in assessment) (Brown & Hudson, 1998); đánh giá định tính (qualitative assessment); đánh giá thực hiện (performance assessment); đánh giá năng lực (competence based assessment); đánh giá xác thực (authentic assessment); văn hoá kiểm tra đánh giá hiện đại (new assessment culture) (Dierick & Dochy, 2001).

Theo các nhà nghiên cứu, đặc điểm của hình thái đánh giá cá nhân hoá bao gồm:

- + Học sinh phải thực hiện, sáng tạo, tạo ra sản phẩm, thực hành một nhiệm vụ học tập;
- + Sử dụng bối cảnh thực tế cuộc sống trong các bài tập, bài kiểm tra;
- + Đánh giá không làm ảnh hưởng tới tâm lí học sinh quá nhiều vì gắn với hoạt động giảng dạy trên lớp;
- + Cho phép đánh giá được học sinh dựa theo những hoạt động thực hiện trên lớp hàng ngày;
- + Sử dụng các bài tập/bài kiểm tra đa dạng, tương thích với các hoạt động giảng dạy và mục tiêu môn học;
- + Tập trung vào cả quá trình học tập cũng như sản phẩm học tập;
- + Yêu cầu học sinh vận dụng kỹ năng tư duy bậc cao và kỹ năng giải quyết vấn đề;
- + Cung cấp thông tin về điểm mạnh và yếu của học sinh;
- + Không mang định kiến về văn hoá, giới tính;
- + Cho phép người đánh giá (GV...) có quyền chủ quan tương đối trong việc chấm bài;
- + Cung cấp thông tin tường minh về chuẩn và tiêu chí đánh giá;
- + Yêu cầu giáo viên tham gia mọi quá trình đánh giá.

Ngoài ra, hình thái đánh giá thứ ba cũng chú trọng năng lực tư duy phê phán, đa chiều, tổng hợp, phân tích, sự cung cấp các lựa chọn câu hỏi và lựa chọn hình thức thực hiện (cá nhân hoặc nhóm). Học sinh cũng có thể được hướng dẫn để tham gia vào quá trình đánh giá như tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, điều này giúp học sinh tự tin vào quyết định học tập và xác định rõ mục tiêu học tập cá nhân.

Ba hình thái kiểm tra đánh giá vừa trình bày có những điểm tích cực và hạn chế khác nhau. Chúng xuất hiện ở những giai đoạn khác nhau, nhưng cuối cùng là để bổ sung cho nhau, không hình thái nào trong số này thực sự chiếm ưu thế trong kiểm tra đánh giá hiện đại. Hình thái thứ hai có thể giải quyết những vấn đề của hình thái thứ nhất, nhưng lại có những vấn đề của riêng nó, hình thái thứ ba có thể khắc phục những vấn đề của hình thái thứ hai nhưng cũng nảy sinh những vấn đề riêng (VD: giáo viên phải sáng tạo, có khả năng tự thiết kế và sử dụng đa dạng các công cụ đánh giá, tốn nhiều thời gian chuẩn bị kế hoạch bài giảng...). Vì vậy, mặc dù có những giai đoạn mà hình thái này tỏ ra nổi trội hơn hình thái khác, nhưng nhìn chung giáo dục hiện đại không thể loại bỏ bất cứ hình thái nào.

Ba hình thái trong lịch sử kiểm tra đánh giá giáo dục có thể cho thấy sự phát triển của một hệ thống các tư tưởng nền tảng trong đánh giá giáo dục, các phương pháp đánh giá nổi bật và đại diện cho từng hình thái, các mục tiêu và nội dung đánh giá khác nhau cho các phạm vi đánh giá trên lớp, trường, diện rộng. Cần phải nhấn mạnh rằng tất cả các hình thái đều đang cùng tồn tại. Với

việc hiểu biết về những ưu và nhược điểm của các hình thái đánh giá giáo dục này, giáo viên, các nhà giáo dục sẽ có những quyết định đúng đắn hơn trong việc áp dụng các hình thức đánh giá nào là thích hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể.

### 3. Kết luận

Đánh giá kết quả học sinh là những khâu rất quan trọng trong quá trình dạy và học. Khoa học về đánh giá của thế giới đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về lý luận và thực tiễn, trong khi ở Việt Nam ngành giáo dục chỉ mới quan tâm trong những năm gần đây. Đổi mới đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực học sinh là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục sau năm 2015.

Một số định hướng nhằm nâng cao năng lực đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh được nêu ở trên chắc chắn chưa thật đầy đủ, nhưng hy vọng nó là một tài liệu tham khảo góp phần giúp giáo viên và cán bộ quản lý trường học cải tiến khâu đánh giá, tạo ra tác động tích cực cho việc dạy và học, đồng thời thúc đẩy việc đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hallinger, P. (2008), *Strategies for Effective Teaching and Learning*. email: hallingergmail.com.
- [2] Holt, J. (2005), *How children learn*. New York: Basic Books.
- [3] Nitko, A.J., & Brookhart, S.M. (2007), *Educational assessment of students* (5th ed.). Upper Saddle River, NJ: Pearson/Prentice Hall.
- [4] OECD (2006), *School for Tomorrow: Think Scenarios, Rethink Education*.
- [5] *The Assessment Handbook*. Volume 3 July, 2010.

### ABSTRACT

#### A study on some current assessment patterns in education

The common trend of teaching in the world today is to shift from the goal of providing knowledge to forming competencies among learners, teaching activities oriented to positively improve learners. In education, teachers are the ones who directly impact on making changes in learners to achieve educational goals. In order to determine how the learner - the product of the educational process - meets the set educational goals, the teacher must conduct an evaluation. Evaluation results based on a combination of multiple sources of information due to the diverse use of assessment types are extremely important to arrive at judgments, objective assessment decisions, timely adjustments to the content, methods of education. In this study, the author mentions three forms of evaluation in education. Traditional evaluation attitude is mainly based on psychological measurement; Evaluation forms associated with the educational context; Morphological personalized assessment. Each type of assessment has its own advantages and disadvantages.

**Keywords:** Assessment patterns, competence assessment, educational assessment.